TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐỨC PHỔ** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2024/HS-ST
Ngày: 19-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Võ Cư

+ Bà Lê Thị Hạnh

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Hòa, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa*:** Ông Ngô Thanh Hiển – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 32/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 6 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

Bùi Minh Q, sinh ngày 07/8/1996, tại tỉnh Phú Yên; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên; nơi đăng ký tạm trú: Thôn T, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi;

Nghề nghiệp: Công nhân lái xe.

Trình độ văn hoá (học vấn): 7/12;

Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Không xác định (con ngoài giá thú); con bà Bùi Thị S, sinh năm 1960;

Vợ, con: Chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/4/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- ***Bị hại:*** Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1964; nơi cư trú: Thôn T, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1998; nơi cư trú: Thôn E, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn T, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn M, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

- ***Người làm chứng:*** Anh Vũ Đức C, sinh năm 1988; nơi cư trú: Số B L, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Bùi Minh Q và ông Nguyễn Hữu T cùng là công nhân của Công ty cổ phần T2 đang thi công tuyến đường cao tốc Bắc – Nam đoạn Quảng Ngãi - H, cả 02 cùng đăng ký tạm trú tại Khu láng trại công nhân của Công ty cổ phần T2 ở thôn T, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Công ty cổ phần T2 trả lương cho công nhân qua tài khoản Ngân hàng thương mại cổ phần T3 (gọi tắt là T4). Ông T đã đăng ký tài khoản Ngân hàng T4 số 04289571701, tên "Nguyen Huu Tao" để nhận lương. Ông T tải ứng dụng T4 và đăng ký dịch vụ SmartBanking của Ngân hàng T4, là dịch vụ ngân hàng trên điện thoại di động thông minh có kết nối internet, cho phép khách hàng cá nhân thực hiện giao dịch tài chính, phi tài chính và những tiện ích nâng cao. Do không thông thạo việc sử dụng dịch vụ SmartBanking nên ông T đã nhiều lần đưa điện thoại, cung cấp thông tin tài khoản cùng mật khẩu và nhờ Q chuyển tiền cho vợ, con của ông T. Vì nhiều lần giúp ông T chuyển tiền nên Q biết trong tài khoản của ông T có tiền, Quy ghi nhớ thông tin đăng nhập tài khoản ngân hàng của ông T là số điện thoại 0975047448, mật khẩu là "Nguyenhuutao1964" và mã P chuyển tiền là "1964".

Vì nợ tiền của người khác mà không có khả năng trả nên Bùi Minh Q nảy sinh ý định đăng nhập bất hợp pháp vào tài khoản ngân hàng T4 của ông Nguyễn Hữu T để chiếm đoạt tiền. Q đã sử dụng điện thoại hiệu OPPO A39 của mình để tải ứng dụng T4. Ngày 21/12/2023 Q đăng nhập bất hợp pháp vào tài khoản ngân hàng của ông T, trong tài khoản của ông T có hơn 30.000.000đồng; Q thực hiện thao tác giao dịch trên ứng dụng nhưng Ngân hàng T4 thông báo cần phải nhập mã kích hoạt mới thực hiện được (do tài khoản của ông T trước đó đã được đăng nhập trên điện thoại di động của ông T); Q bấm chọn gửi mã kích hoạt qua tin nhắn SMS thì mã kích hoạt 06 số được gửi về điện thoại của ông T do đang gắn sim số 0975047448. Đến trưa ngày 21/12/2023, khi đang

ngồi uống nước với ông T thì Q được ông T đưa điện thoại và nhờ vào ứng dụng Facebook M để xem giúp tin nhắn, sau khi xem xong thì Q vào phần tin nhắn SMS trên điện thoại của ông T để xem mã kích hoạt trước đó Ngân hàng T4 đã gửi về số điện thoại của ông T và ghi nhớ mã kích hoạt đó. Sau đó, Q về phòng sử dụng điện thoại OPPO A39 của mình đăng nhập bất hợp pháp vào tài khoản Ngân hàng T4 của ông T và nhập mã kích hoạt thành công nhưng Q chưa thực hiện việc chuyển tiền.

Sáng ngày 22/12/2023, Bùi Minh Q tiếp tục đăng nhập bất hợp pháp vào tài khoản ngân hàng của ông T và chuyển thử thành công số tiền 10.000đồng tới tài khoản số 33296217 tên "Vu Duc C" của Ngân hàng Á (A) đã lưu sẵn ở danh mục người thụ hưởng trong tài khoản ngân hàng của ông T. Sau đó, Q sử dụng điện thoại di động hiệu Iphone 11 của mình gọi cho Nguyễn Văn B, trú tại xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên (là người quen của Q) nhờ xem có nơi nào nhận chuyển khoản – đổi tiền mặt không, đổi giúp Quy 30.000.000đồng. Do đang bận việc cá nhân nên B gọi điện thoại cho bạn của mình là Phạm Văn Đ, nhờ Đ đến nhà ông Nguyễn Văn T1, trú tại thôn M, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên (là người làm dịch vụ nhận – chuyển tiền có trả phí) để nhận tiền giúp cho B khi Q chuyển tiền đến. Phạm Văn Đ đến nhà ông Nguyễn Văn T1 để thực hiện công việc được Bửu nhờ, ông T1 đưa thông tin tài khoản Ngân hàng Q1 số 0966451443 tên "Nguyen Le Hong Phan" (là tài khoản của con gái ông T1 tên Nguyễn Lê Hồng P1) cho Đ thì Đ đã gửi thông tin tài khoản ông T1 cung cấp qua cho B, B gửi số tài khoản của ông T1 cung cấp qua cho Bùi Minh Q. Sau khi nhận được thông tin tài khoản của người nhận thì Q chuyển số tiền 30.000.000đồng từ tài khoản Ngân hàng T4 của ông Nguyễn Hữu T qua tài khoản của Nguyễn Lê Hồng P1. Sau khi nhận được 30.000.000đồng trong tài khoản thì ông T1 đã lấy tiền mặt đưa cho Đ và thu phí là 30.000đồng. Đ nhận được tiền rồi đưa cho B 29.970.000đồng và được B lấy tiền cá nhân của mình cho Đ 300.000đồng vì trước đó B cũng nhờ Đ làm nhiều việc giúp B. Sau khi nhận được tiền, B gọi cho Q biết, đến chiều ngày 22/12/2023 Q đón xe khách từ Quảng Ngãi vào P gặp B và lấy số tiền 30.000.000đồng (B đã lấy 30.000đồng tiền cá nhân của mình bù vào để đủ 30.000.000đồng), sau đó về lại Quảng Ngãi để làm việc. Quá trình vào Phú Yên thì Q đã vứt chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A39 tại một khu vực không xác định; số tiền 30.000.000đồng do chiếm đoạt mà có, Bùi Minh Q đã sử dụng tiêu xài cá nhân, trả nợ hết.

Tại Cáo trạng số 30/CT-VKS-ĐP ngày 27/6/2024, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi truy tố Bùi Minh Q về tội *"Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản"* quy định tại điểm a khoản 1 Điều 290 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Bùi Minh Quy phạm t *"Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản"* theo điểm a khoản 1 Điều 290 của Bộ

luật hình sự; đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 290; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Minh Q từ 12 đến 18 tháng tù, cho hưởng án treo; không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu, sung ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 màu đen, số IMEI1: 353974101226677, số IMEI2: 353974101275039, điện thoại đã qua sử dụng.

Về dân sự: Bị hại Nguyễn Hữu T đã nhận tiền bồi thường từ bị cáo Bùi Minh Q và đã có đơn bãi nại trách nhiệm dân sự cho bị cáo, không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Bùi Minh Q và những người tham gia tố tụng đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn Đ, ông Nguyễn Văn T1 và người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra. Việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, căn cứ theo quy định tại các điều 292, 293 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Minh Q khai nhận toàn bộ hành vi mà bị cáo đã thực hiện đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định: Lợi dụng những thông tin có được về tài khoản Ngân hàng của ông Nguyễn Hữu T trong quá trình ông T nhờ chuyển tiền cho vợ, con của ông T qua dịch vụ SmartBanking Ngân hàng T4, bị cáo Bùi Minh Q đã sử dụng điện thoại hiệu OPPO A39 của mình (là điện thoại thông minh có kết nối internet) để tải ứng dụng T4; đến ngày 22/12/2023, bị cáo Bùi Minh Q đăng nhập bất hợp pháp vào tài khoản ngân hàng T4 của ông T và chiếm đoạt của ông T số tiền 30.000.000đồng có trong tài khoản của ông T.

[4] Khi thực hiện hành vi sử dụng thông tin về tài khoản Ngân hàng của ông T và sử dụng phương tiện điện tử là điện thoại di động có kết nối internet truy cập bất hợp pháp vào tài khoản ngân hàng của ông T, chiếm đoạt của ông T số tiền 30.000.000đồng thì bị cáo Bùi Minh Q có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, bị cáo nhận thức được hành vi sử dụng thông tin về tài khoản Ngân hàng và truy cập bất hợp pháp vào tài khoản ngân hàng của người khác nhằm chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Giá trị tài sản mà bị cáo Q đã chiếm đoạt của ông T là 30.000.000đồng. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ truy tố bị cáo Bùi Minh Q về tội *"Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản"* quy định tại điểm a khoản 1 Điều 290 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Bùi Minh Q không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Bùi Minh Q đã thành khẩn khai báo, tự nguyện trả lại cho bị hại 30.000.000đồng để khắc phục hậu quả, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã thực hiện xong nghĩa vụ quân sự, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương. Vì vậy, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo khi quyết định hình phạt.

[6] Về hình phạt đối với bị cáo: Hành vi của bị cáo Bùi Minh Q là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, xâm phạm đến quy định của Nhà nước về bảo đảm an toàn mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet hoặc thiết bị số của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương. Do đó, để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo hình phạt tù có thời hạn để răn đe, giáo dục bị cáo trong việc chấp hành pháp luật, cũng như để phòng ngừa chung tội phạm.

[7] Tuy nhiên, bị cáo Bùi Minh Q có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do đó, để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật đối với người lần đầu phạm tội, cũng như để tạo điều kiện cho bị cáo được tự rèn luyện, tự cải tạo và có điều kiện tiếp tục lao động, làm việc để nuôi sống bản thân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Bùi Minh Q.

[8] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Bùi Minh Q có hoàn cảnh khó khăn, được chính quyền địa phương xác nhận nên không áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 290 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[9] Đối với Nguyễn Văn B và Phạm Văn Đ: Bửu là người được bị cáo Bùi Minh Q nhờ tìm người nhận chuyển khoản và đổi tiền mặt giúp cho Q, Đ là người được Bửu nhờ trực tiếp thực hiện công việc nêu trên. Tuy nhiên, khi thực hiện công việc được Q nhờ thì B và Đ hoàn toàn không biết nguồn gốc số tiền và hành vi phạm tội của bị cáo Q. Do đó, không có căn cứ xử lý đối với B và Đ.

[10] Đối với Nguyễn Văn T1, là người làm dịch vụ nhận – chuyển tiền có trả phí, khi nhận tiền từ tài khoản của ông T chuyển đến và lấy tiền mặt đưa cho Đ thì ông T1 không biết nguồn gốc số tiền trên là không hợp pháp. Do đó, không có căn cứ xử lý đối với ông T1.

[11] Đối với số tiền 10.000đồng mà bị cáo Bùi Minh Q chuyển vào số tài khoản 333296217 tên Vũ Đức C: Khi chuyển số tiền trên thì bị cáo Q không biết ông Vũ Đức C. Việc bị cáo Q chuyển số tiền trên không nhằm mục đích chiếm đoạt mà chỉ để kiểm tra xem việc chuyển tiền từ tài khoản của ông T có thực hiện được trên điện thoại của bị cáo hay không. Ngoài ra, ông T cho rằng số tiền trên nhỏ, ông T không yêu cầu xử lý về hình sự, dân sự đối với số tiền trên nên không có căn cứ xử lý đối với bị cáo Q đối với số tiền trên.

[12] Về xử lý vật chứng:

Đối với điện thoại di động hiệu OPPO A39: Quá trình vào Phú Yên để nhận tiền từ Nguyễn Văn B thì Bùi Minh Q đã vứt điện thoại di động nêu trên tại một khu vực không xác định và không truy tìm được nên không có căn cứ xử lý.

Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 màu đen, số IMEI1: 353974101226677, số IMEI2: 353974101275039, điện thoại đã qua sử dụng. Đây là phương tiện bị cáo Q sử dụng để liên lạc với Nguyễn Văn B, nhờ B tìm người nhận chuyển khoản số tiền từ tài khoản của ông Nguyễn Hữu T và đổi tiền mặt nhằm chiếm đoạt số tiền trong tài khoản của ông T. Do đó, cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[13] Về dân sự: Bị cáo Bùi Minh Q đã bồi thường cho ông Nguyễn Hữu T toàn bộ số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt, ông T đã có đơn bãi nại trách nhiệm dân sự cho bị cáo, không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[14] Về căn cứ truy tố, luận tội và mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ đã đề nghị tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[15] Về án phí: Bị cáo Bùi Minh Q phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[16] Về quyền kháng cáo: Bị cáo Bùi Minh Q, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 290; các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Bùi Minh Quy phạm t *"Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản"*.

Xử phạt bị cáo Bùi Minh Q 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 19/7/2024).

Giao bị cáo Bùi Minh Q cho Ủy ban nhân dân xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92, Điều 68 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu, sung ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 màu đen, số IMEI1: 353974101226677, số IMEI2: 353974101275039, điện thoại đã qua sử dụng được đựng bên trong 01 (một) phong bì màu trắng phía trước có dòng chữ "Công an tỉnh Q, Công an thị xã Đ", phía sau được dán kín và có chữ ký xác nhận của Võ Hữu V, Bùi Minh Q và có dấu tròn của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Đ.

(Theo biên bản về việc giao, nhận vật chứng ngày 15 tháng 7 năm 2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Đ và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Bùi Minh Q phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo Bùi Minh Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn B có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ

liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bảnán này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- CQCSĐT Công an thị xã Đức Phổ;
- Cơ quan THAHS Công an thị xã Đức Phổ;
- Phòng NVLT Công an thị xã Đức Phổ;
- UBND xã P;
- Chi Cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Phong